



BÀI 5

KẾ TOÁN NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG

Giảng viên: Nguyễn Tiến Trung

NỘI DUNG BÀI HỌC

- ❖ Khái niệm về tín dụng
- ❖ Nghiệp vụ cho vay từng lần
- ❖ Nghiệp vụ cho vay đồng tài trợ
- ❖ Nghiệp vụ cho vay chiết khấu
- ❖ Nghiệp vụ cho thuê tài chính

Giảng viên: Nguyễn Tiến Trung

MỤC TIÊU BÀI HỌC

- ❖ Hiểu được các khái niệm về cho vay
- ❖ Hiểu được các phương pháp hạch toán cho vay
 - Cho vay từng lần
 - Cho vay đồng tài trợ
 - Cho vay chiết khấu
 - Cho thuê tài chính
- ❖ Áp dụng vào các nghiệp vụ kinh tế phát sinh thực tế.

Giảng viên: Nguyễn Tiến Trung



PHẦN I

CÁC VẤN ĐỀ CHUNG

Giảng viên: Nguyễn Tiến Trung

Một số văn bản pháp lý liên quan đến nghiệp vụ tín dụng

- ❖ Luật các tổ chức tín dụng
- ❖ QĐ1627 của TĐNHNN ban hành ngày 31/12/ 2001 về Quy chế cho vay của TCTD đối với KH.
- ❖ QĐ 127/2005/QĐ-NHNN ban hành ngày 3/2/2005 của Thống đốc NHNN về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của QĐ 1627/2001/QĐ-NHNN
- ❖ QĐ 783/2005/QĐ-NHNN ban hành ngày 31/05/2005 của Thống đốc NHNN về việc sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 1 của QĐ 127/2005/QĐ-NHNN
- ❖ QĐ 1325/2004/QĐ-NHNN của Thống đốc NHNN ngày 5/10/2004 về việc ban hành Quy chế chiết khấu, tái chiết khấu GTCG của TCTD đối với KH
- ❖ QĐ 1096/2004/QĐ-NHNN của Thống đốc NHNN ngày 06/09/2004 về việc ban hành Quy chế hoạt động bao thanh toán của các TCTD
- ❖ QĐ 493/2005/QĐ-NHNN của Thống đốc NHNN ban hành ngày 22/04/2005 về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động NH của các TCTD.
- ❖ Các văn bản có liên quan khác.

Giang viên: Nguyễn Tiến Trung

Một số vấn đề cơ bản về nghiệp vụ tín dụng

❖ Khái niệm về tín dụng NH:

Tín dụng NH là giao dịch về tài sản giữa NH (TCTD) với bên đi vay (TCKT, cá nhân...) trong đó NH (TCTD) giao TS cho bên đi vay sử dụng trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận và bên đi vay có trách nhiệm hoàn trả vô điều kiện cả vốn gốc và lãi cho NH (TCTD) khi đến hạn thanh toán.

- Tài sản: chủ yếu dưới hình thái giá trị, tuy nhiên có một số nghiệp vụ như TD cho thuê tài chính thì TS có thể là TSCĐ

❖ Các phương thức cấp tín dụng:

- Cho vay thông thường
- Cho vay chiết khấu
- Tín dụng thuê mua (Cho thuê tài chính)
- Bảo lãnh

Giang viên: Nguyễn Tiến Trung

Điểm cần lưu ý đối với Kế toán nghiệp vụ TD

- ❖ Trong bảng cân đối kế toán của NHTM, khoản mục tín dụng và đầu tư thường chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng TSCó (70% – 80%).
- ❖ Xét về kỹ thuật nghiệp vụ, tín dụng là nghiệp vụ phức tạp làm cho kế toán nghiệp vụ tín dụng càng trở nên phong phú, phức tạp => Đòi hỏi phải được tổ chức một cách khoa học.
- ❖ Lãi cho vay, theo VAS 14 thuộc loại doanh thu cung cấp dịch vụ, và nó liên quan đến nhiều kỳ kế toán và đối với nợ đủ tiêu chuẩn thì được xác định là “doanh thu tương đối chắc chắn” nên phải được ghi nhận trong từng kỳ kế toán thông qua hạch toán dự thu lãi từng kỳ để ghi nhận vào thu nhập theo nguyên tắc “cơ sở dồn tích”.
- ❖ Tín dụng là nghiệp vụ tiềm ẩn nhiều rủi ro. Với trách nhiệm của mình, kế toán phải cung cấp thông tin để phục vụ phân loại nợ và hạch toán đầy đủ, chính xác khi trích lập và sử dụng quỹ dự phòng rủi ro.

Giang viên: Nguyễn Tiến Trung

Khái niệm, nhiệm vụ của Kế toán nghiệp vụ TD

❖ Khái niệm:

Kế toán nghiệp vụ tín dụng là hoạt động ghi chép, phản ánh tổng hợp một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời các khoản tín dụng trong tất cả các khâu từ giải ngân, thu nợ, thu lãi và theo dõi dự nợ toàn bộ quá trình cấp tín dụng của NHTM, trên cơ sở đó để giám đốc chặt chẽ toàn bộ số tiền đã cấp tín dụng cho khách hàng đồng thời làm tham mưu cho nghiệp vụ TD.

❖ Nhiệm vụ của kế toán nghiệp vụ tín dụng:

- Tổ chức ghi chép phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời qua đó hình thành thông tin kế toán phục vụ quản lý tín dụng, bảo vệ an toàn vốn cho vay.
- Quản lý hồ sơ cho vay, theo dõi kỳ hạn nợ để thu hồi nợ đúng hạn, hoặc chuyển nợ quá hạn khi người vay không đủ khả năng trả nợ đúng hạn.
- Tính và thu lãi cho vay chính xác, đầy đủ, kịp thời.
- Giám sát tình hình tài chính của khách hàng thông qua hoạt động của tài khoản tiền gửi và tài khoản cho vay.
- Thông qua số liệu của kế toán cho vay để phát huy vai trò tham mưu của kế toán trong quản lý nghiệp vụ tín dụng.

Giang viên: Nguyễn Tiến Trung

Quy định cơ bản trong Quy chế CV hiện hành

QĐ1627 của TĐNHNH ban hành ngày 31/12/ 2001 về Quy chế cho vay của TCTD đối với KH.

QĐ 127/2005/QĐ-NHNN ban hành ngày 3/2/2005 của Thống đốc NHNN về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của QĐ 1627/2001/QĐ-NHNN

- Nguyên tắc cho vay
- Điều kiện vay vốn
- Thẻ loại cho vay
- Mức cho vay
- Phương thức cho vay
- Trả nợ gốc và lãi vốn vay
- Lãi suất cho vay
- Vấn đề chuyển nhóm nợ

Giang viên: Nguyễn Tiến Trung

Chứng từ sử dụng trong kế toán nghiệp vụ TD

❖ Chứng từ gốc:

- Đơn xin vay
- Hợp đồng tín dụng
- Hợp đồng thế chấp bảo lãnh, cầm cố tài sản
- Phương án sản xuất kinh doanh.
- Kế hoạch vay vốn trả nợ.
- Các báo cáo tài chính của khách hàng đơn vay vốn
- Các giấy tờ liên quan đến việc vay vốn.

❖ Chứng từ ghi sổ:

- Giấy lĩnh tiền mặt.
- Các chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt
- Phiếu chuyển khoản và bảng kê tính lãi hàng tháng.

Giang viên: Nguyễn Tiến Trung

Tài khoản sử dụng trong KT cho vay

❖ TK 21 – Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân trong nước

- 211- Cho vay ngắn hạn VND
- 212- Cho vay trung hạn VND
- 213- Cho vay dài hạn VND
- 214- Cho vay ngắn hạn ngoại tệ và vàng
- 215- Cho vay trung hạn ngoại tệ và vàng
- 216- Cho vay dài hạn ngoại tệ và vàng

Có các tài khoản cấp III sau:

- Nợ đủ tiêu chuẩn (Nợ nhóm 1)
- Nợ cần chú ý (Nợ nhóm 2)
- Nợ dưới tiêu chuẩn (Nợ nhóm 3)
- Nợ nghi ngờ (Nợ nhóm 4)
- Nợ có khả năng mất vốn (Nợ nhóm 5)

Giang viên: Nguyễn Tiến Trung

Tài khoản sử dụng trong nghiệp vụ KTCV

❖ TK Cho vay:

- **Nội dung:** phản ánh số tiền NH (TCTD) đang cho KH vay

➤ Kết cấu:

TK 21	
- Số tiền cho vay đối với KH	- Số tiền thu nợ từ KH
- Số tiền chuyển từ nhóm nợ khác	- Số tiền chuyển sang nhóm nợ thích hợp.
Dư nợ: Số tiền KH đang nợ TCTD	

Giang viên: Nguyễn Tiến Trung

Tài khoản sử dụng trong nghiệp vụ KTCV

- ❖ **TK 394 – Lãi phải thu từ hoạt động tín dụng**
 - TK 3941 – Lãi & phí phải thu từ cho vay bằng VND
 - TK 3942 – Lãi & phí phải thu từ cho vay bằng ngoại tệ và vàng
- ❖ **Nội dung:** Dùng để phản ánh số lãi dồn tích tính trên các khoản cho vay KH mà chưa đến hạn được thanh toán
- ❖ **Kết cấu:** **TK 394**

Số tiền Lãi & phí phải thu tính trong kỳ	Số tiền lãi khách hàng đã trả.
Dư Nợ: Số Lãi & phí phải thu chưa được thanh toán	

Giảng viên: Nguyễn Tiến Trung

Tài khoản sử dụng trong nghiệp vụ KTCV

TK 399 – Dự phòng rủi ro lãi phải thu

❖ **Nội dung:** phản ánh quỹ dự phòng rủi ro Lãi & phí phải thu

❖ **Kết cấu:** **TK 399**

- Số tiền sử dụng dự phòng	- Số tiền trích lập dự phòng
- Số tiền hoàn nhập dự phòng	

Dư Có: Số tiền dự phòng hiện có

Giảng viên: Nguyễn Tiến Trung

Tài khoản sử dụng trong nghiệp vụ KTCV

- ❖ **TK 702 – Thu từ hoạt động tín dụng => Dư Có**
- ❖ **TK 8829 – Chi dự phòng rủi ro => Dư Nợ**
- ❖ **TK 94x – lãi cho vay chưa thu được**
- ❖ **TK 971 – nợ khó đòi đã xử lý**
- ❖ **TK 994 – TS cầm cố, thế chấp của khách hàng**
- ❖ **TK 996 – Ctừ có giá trị cầm cố, thế chấp của khách hàng**

Giảng viên: Nguyễn Tiến Trung



PHẦN II

CHO VAY TỪNG LẦN

Giảng viên: Nguyễn Tiến Trung

Kế toán phương thức cho vay từng lần

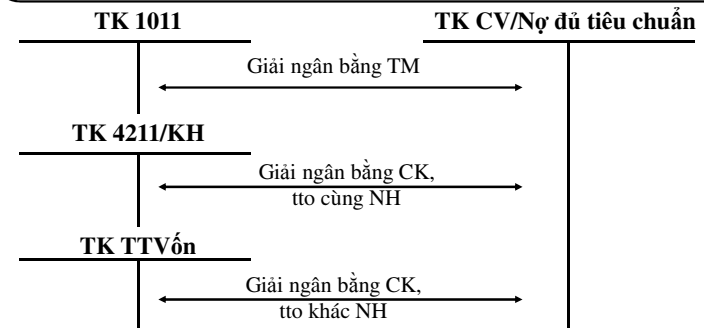
- ❖ **Khái niệm:** Mỗi lần vay vốn, khách hàng và tổ chức tín dụng phải làm thủ tục vay vốn cần thiết và ký kết hợp đồng tín dụng
- ❖ **Đối tượng:**
 - Áp dụng đối với KH không có nhu cầu vay thường xuyên, vòng quay vốn thấp
 - Áp dụng đối với cho vay cá thể, cho vay trung & dài hạn
- ❖ **Đặc điểm:**
 - Giải ngân một lần toàn bộ hạn mức tín dụng; hoặc giải ngân nhiều lần
 - Định kỳ hạn nợ cụ thể cho khoản cho vay; Người vay trả nợ một lần khi đáo hạn.

Giảng viên: Nguyễn Tiến Trung

Quy trình kế toán cho vay từng lần

❖ Kế toán phát tiền vay

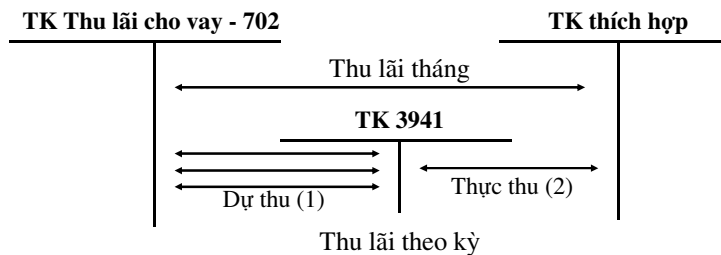
- Nhập: TK994- Tài sản thế chấp cầm cố của khách hàng (nếu có)
- Đồng thời hạch toán nội bảng số tiền gốc cho vay:



Giảng viên: Nguyễn Tiến Trung

Quy trình kế toán cho vay từng lần

❖ Kế toán tính dự thu và thu lãi:

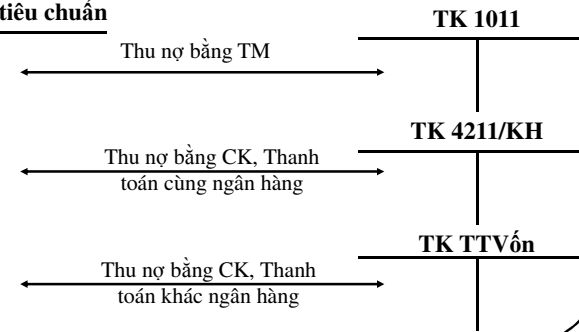


Giảng viên: Nguyễn Tiến Trung

Quy trình kế toán cho vay từng lần

❖ Kế toán thu nợ: Đến hạn, KH trả tiền vay, kế toán tắt toán TK CV thích hợp/KH, khi tắt toán thì KT xuất TK 994 TS thế chấp trả cho khách hàng.

TK CV/Nợ đủ tiêu chuẩn

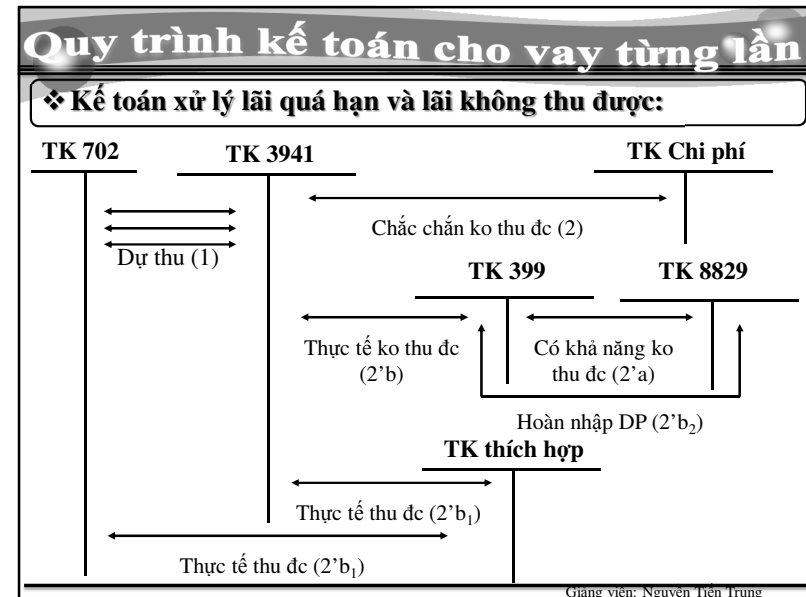


Giảng viên: Nguyễn Tiến Trung

Ví dụ:

- ❖ 1/1 NH cho ông A vay 500tr đồng = TM, thời hạn 6 tháng. TSDB 1 tỷ, lãi suất 1%/tháng, trả lãi 3tháng/lần
- ❖ 1/4 Ông A đến trả lãi = TM
- ❖ 5/6 Ông A đến tắt toán = TM
- ❖ Yêu cầu:
 - Tổng số tiền phát sinh theo ngày?
 - Hạch toán các nghiệp vụ phát sinh?

Giảng viên: Nguyễn Tiến Trung



Ví dụ:

- ❖ 1/1 NH cho ông A vay 500tr đồng = TM, thời hạn 6 tháng. TSDB 1 tỷ, lãi suất 1%/tháng, trả lãi 3tháng/lần
- ❖ 1/4 Ông A đến trả lãi = TM
- ❖ 15/9 Ông A đến tắt toán = TM
- ❖ Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn
- ❖ Yêu cầu:
 - Tổng số tiền phát sinh theo ngày?
 - Hạch toán các nghiệp vụ phát sinh?

Giảng viên: Nguyễn Tiến Trung

Quy trình kế toán cho vay từng lần

❖ **Kế toán xử lý nợ quá hạn:**

- Chuyển nợ gốc theo dõi ở nhóm nợ thích hợp: 21x2, 21x3, 21x4, 21x5.
- Lập dự phòng theo nhóm nợ vay theo hướng dẫn của QĐ 493/2005/QĐ NHNN;

❑ **Dự phòng cụ thể:** Là số tiền được trích lập trên cơ sở phân loại cụ thể các khoản nợ quy định để dự phòng cho những tổn thất có thể xảy ra.

$$R = \max\{0, (A - C)\} \times r$$

- R : Số tiền phải trích lập dự phòng
- A: Giá trị khoản nợ
- C: Giá trị khấu trừ của tài sản đảm bảo
- r: tỷ lệ trích lập dự phòng: Nhóm 1: 0%; Nhóm 2: 5%; Nhóm 3: 20%; Nhóm 4: 50%; Nhóm 5: 100%;

Giảng viên: Nguyễn Tiến Trung

Quy trình kế toán cho vay từng lần

❖ Kế toán xử lý nợ quá hạn:

❑ **Dự phòng chung:** là khoản tiền được trích lập để dự phòng những tổn thất chưa xác định trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể và kể cả trong trường hợp khó khăn về tài chính của ngân hàng khi chất lượng các khoản nợ suy giảm

❑ Theo quy định 493/2005 ngân hàng phải trích lập và duy trì quỹ dự phòng chung bằng 0,75% trên tổng giá trị các khoản nợ từ nhóm 1 đến nhóm 4, kể cả cam kết và bảo lãnh ngân hàng

Giang viên: Nguyễn Tiến Trung

Ví dụ chuyển nhóm nợ:

❖ Giả sử đến ngày 30/6/2005 một khách hàng có các khoản nợ đối với TCTD như sau:

❖ - Khoản nợ A: quá hạn 190 ngày.

❖ - Khoản nợ B: quá hạn 10 ngày.

❖ - Khoản nợ C: trong hạn.

❖ Thời điểm 30/6/2005, việc phân loại các món nợ A, B và C thực hiện như thế nào? Tại thời điểm 15/11/2005, tình hình trả nợ như sau: thu được khoản nợ A, khoản nợ B vẫn tiếp tục quá hạn, khoản nợ C vẫn trong hạn. Tại thời điểm 30/11/2005, việc phân loại các món nợ B và C thực hiện như thế nào?

Giang viên: Nguyễn Tiến Trung

Đáp:

❖ Theo QĐ493/2005: Để tiện theo dõi khách hàng và đơn giản trong việc chuyển nhóm nợ, TCTD phân loại các khoản nợ A, B và C như sau:

❖ - Tại thời điểm 30/6/2005:

- + Khoản nợ A: nhóm 4 do quá hạn 190 ngày (theo Khoản 1.d Điều 6).
- + Khoản nợ B: nhóm 4 do khoản nợ A thuộc nhóm 4 (theo Khoản 3 Điều 6) mặc dù mới quá hạn 10 ngày.
- + Khoản nợ C: nhóm 4 do khoản nợ A thuộc nhóm 4 (theo Khoản 3 Điều 6) mặc dù vẫn trong hạn.

❖ - Tại thời điểm 30/11/2005:

- + Khoản nợ B: nhóm 3 do quá hạn 160 ngày (theo Khoản 1.c Điều 6).
- + Khoản nợ C: nhóm 3 do khoản nợ B thuộc nhóm 3 (theo Khoản 3 Điều 6) mặc dù vẫn trong hạn.

Giang viên: Nguyễn Tiến Trung

❖ Ví dụ:

❖ Khoản vay X có giá trị A là 5 tỷ đồng, khoản vay này thuộc nhóm 3 phải trích lập dự phòng cụ thể theo tỷ lệ 20%, khách hàng có tài sản thế chấp là bất động sản có giá trị 8 tỷ và TCTD đưa ra tỷ lệ áp dụng để xác định giá trị tài sản đảm bảo là 50%. Như vậy số tiền dự phòng cụ thể R phải trích lập như sau:

❖ $C = 8 \text{ tỷ} \times 50\% = 4 \text{ tỷ}$

❖ Số tiền dự phòng cụ thể phải trích lập như sau:

❖ $R = \{5 \text{ tỷ} (A) - 4 \text{ tỷ}\} \times 20\% = 200 \text{ triệu}$

❖ Giả sử tài sản thế chấp là bất động sản có giá trị 20 tỷ thì khi đó $C = 10 \text{ tỷ}$ và như vậy $A - C < 0$, khi đó công thức $R = \max \{0, (A - C)\} \times r$ sẽ có giá trị = 0.

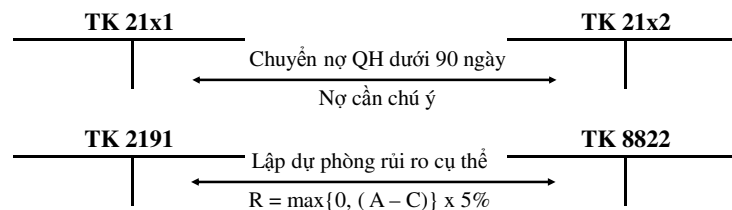
❖ Đối với trường hợp một tài sản thế chấp có được giá trị lớn được thế chấp cho nhiều khoản vay, thì C được tính theo phần nào, giá trị bao nhiêu dành thế chấp cho khoản vay đó.

Giang viên: Nguyễn Tiến Trung

Quy trình kế toán cho vay từng lần

❖ Kế toán chuyển nợ quá hạn:

➤ Chuyển nợ quá hạn cần chú ý:

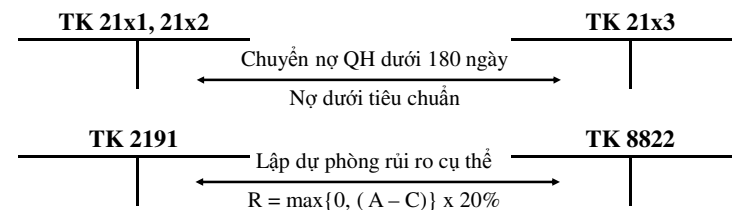


Giang viên: Nguyễn Tiến Trung

Quy trình kế toán cho vay từng lần

❖ Kế toán chuyển nợ quá hạn:

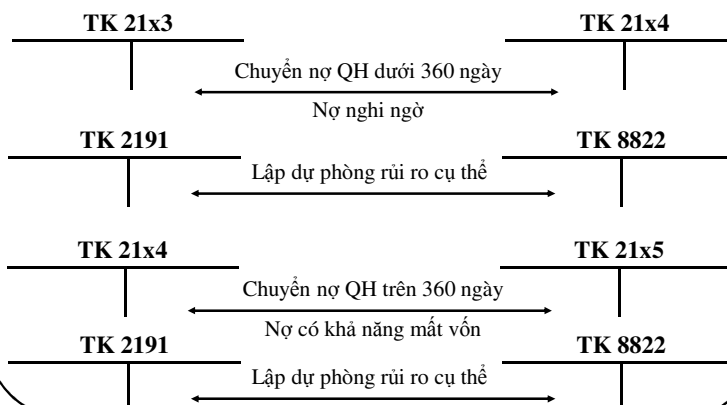
➤ Chuyển nợ quá hạn dưới tiêu chuẩn:



Giang viên: Nguyễn Tiến Trung

Quy trình kế toán cho vay từng lần

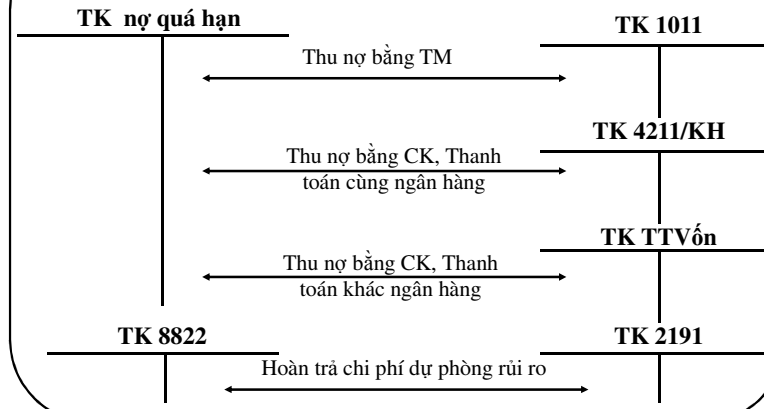
❖ Kế toán chuyển nợ quá hạn:



Giang viên: Nguyễn Tiến Trung

Quy trình kế toán cho vay từng lần

❖ Kế toán thu nợ quá hạn:

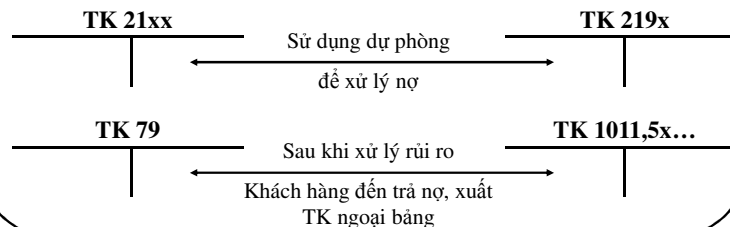


Giang viên: Nguyễn Tiến Trung

Quy trình kế toán cho vay từng lần

❖ Kế toán chuyển nợ quá hạn:

- Sử dụng quỹ dự phòng để xoá nợ
- Nhập TK ngoại bảng – Nợ gốc bị tổn thất trong thời gian theo dõi và Nợ lãi bị tổn thất đang trong thời gian theo dõi: 9711, 9712



Giang viên: Nguyễn Tiến Trung

Quy trình kế toán cho vay từng lần

❖ Kế toán xử lý tài sản liên quan nợ vay có vấn đề:

❖ TH1: bán TS đảm bảo để trả nợ:

- Trong khi chờ bán TS, Kế toán ghi xuất TS thể chấp, cầm cố, và nhập TS gán nợ, xiết nợ chờ xử lý
- Khi bán được TS, tiền thu về sau khi trừ chi phí phát sinh được dùng để thu nợ theo thứ tự:

- ☐ Nợ gốc
- ☐ Lãi trong hạn
- ☐ Lãi quá hạn

Giang viên: Nguyễn Tiến Trung

Quy trình kế toán cho vay từng lần

❖ Kế toán xử lý tài sản liên quan nợ vay có vấn đề:

❖ TH1: bán TS đảm bảo để trả nợ:

- Chi phí bán tài sản đảm bảo:

Nợ TK chi phí xử lý tài sản đảm bảo nợ (355)

Có TK tiền mặt, tiền gửi (1011, 1031)

- Khi thu tiền bán TS đảm bảo:

Nợ TK tiền mặt, tiền gửi (1011, 1031)

Có TK tiền thu về bán nợ, tài sản đảm bảo (4591)

Giang viên: Nguyễn Tiến Trung

Quy trình kế toán cho vay từng lần

❖ Kế toán xử lý tài sản liên quan nợ vay có vấn đề:

❖ TH1: bán TS đảm bảo để trả nợ:

- Lập chứng từ thu nợ khách hàng:

Nợ TK 4591: tiền thu về bán nợ, tài sản đảm bảo

Có TK 355: chi phí xử lý tài sản đảm bảo nợ: Tổng chi phí

Có TK 21xx: cho vay khách hàng: thu hồi nợ gốc

Có TK 742: thu nhập của NH **hoặc TK 3941** lãi phải thu (nếu còn dư tiền)

- Nếu NH có thu phí bán TS, phải nộp thuế GTGT (4531)

- Đồng thời thanh toán số chênh lệch (Giá bán TS - Nghĩa vụ trả nợ) cho khách hàng nếu còn tiền

Nợ TK tiền thu về bán nợ, tài sản đảm bảo (4591)

Có TK Tiền mặt, TK tiền gửi của khách hàng

Giang viên: Nguyễn Tiến Trung

Ví dụ:

❖ Ngân hàng A bán 1 tài sản đảm bảo thu được tiền 1 tỷ, phí dịch vụ bán là 1%, thuế GTGT 10%. Chi phí bán TS này là 30trđ. Số tiền thu được dùng để thanh toán món nợ vay của khách hàng B: nợ gốc 500tr, lãi Thạn: 100tr, lãi qhạn: 150tr.

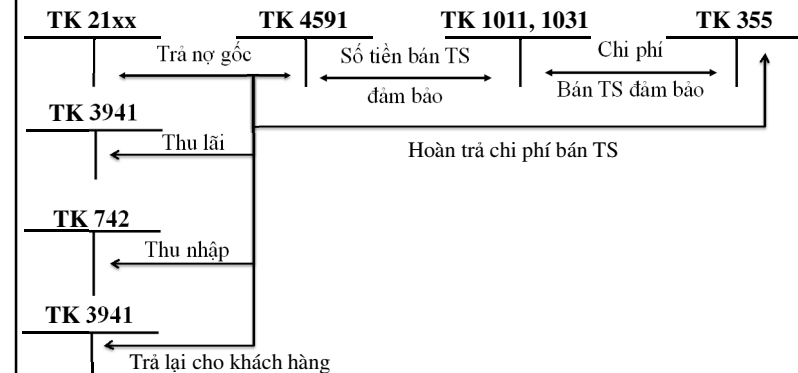
❖ Yêu cầu: định khoản các nghiệp vụ phát sinh?

Giang viên: Nguyễn Tiến Trung

Quy trình kế toán cho vay từng lần

❖ Kế toán xử lý tài sản liên quan nợ vay có vấn đề:

❖ TH1: bán TS đảm bảo để trả nợ:



Giang viên: Nguyễn Tiến Trung

Quy trình kế toán cho vay từng lần

❖ Kế toán xử lý tài sản liên quan nợ vay có vấn đề:

❖ TH2: Ngân hàng được quyền khai thác tài sản đảm bảo nợ vay:

➢ Khi NH nhận được TS từ việc gán nợ bằng TS của khách hàng:

Nợ TK 387: TS gán nợ đã chuyển quyền sở hữu cho TCTD

Có TK 21xx: nợ vay của khách hàng

Có TK 394, 702: thu lãi cho vay

Đồng thời Nhập TK 995: TS gán nợ, xiết nợ chờ xử lý; Xuất TK 941: Lãi cho vay quá hạn chưa thu được bằng VNĐ

Giang viên: Nguyễn Tiến Trung

Quy trình kế toán cho vay từng lần

❖ Kế toán xử lý tài sản liên quan nợ vay có vấn đề:

❖ TH2: Ngân hàng được quyền khai thác tài sản đảm bảo nợ vay:

➢ Khi NH xử lý TS nêu trên:

➢ TH2.1: Phát mại TS:

Nợ TK TM, TG...

Có TK 387: TS gán nợ đã chuyển quyền sở hữu cho TCTD

➢ TH2.2: Cho thuê TS:

Nợ TK TM, TG...

Có TK 4591 Tiền thu về bán nợ, TS đảm bảo

➢ TH2.3: Giữ TS lại sử dụng:

Nợ TK 3012: Nhà cửa vật kiến trúc, định giá TS

Có 387: TS gán nợ đã chuyển quyền sở hữu cho TCTD

Đồng thời xuất TK 995

Giang viên: Nguyễn Tiến Trung

Ví dụ:

- ❖ Tại NH Công thương Long Xuyên, ngày 25/12/x có một số nghiệp vụ như sau:
- ❖ 1. Căn cứ HĐTD và phiếu chi TM kèm CMND, kế toán cho vay K.hàng A 20 tr đồng, thời hạn cho vay 6 tháng, lãi suất 1%/tháng.
- ❖ 2. Sau khi HĐTD đc ký kết, XNC nộp UNC 100tr đồng đề nghị giải ngân để thanh toán tiền hàng cho XNE có TK tại NH No Long Xuyên
- ❖ 3. KHD nộp TM 21,2 tr đồng để thanh toán nợ vay và lãi của 1 HĐTD đến hạn, số tiền vay 20tr đồng, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất 1%/tháng. Ngân hàng đã dự thu toàn bộ lãi
- ❖ 4. Cty B nộp UNT kèm hóa đơn bán hàng có số tiền là 100 tr đồng nhờ NH thu hộ tiền bán hàng từ XNA
- ❖ Yêu cầu: Xử lý và định khoản các nghiệp vụ trên, biết rằng:
- ❖ Đầu ngày 25/12:
 - TK 2111.CtyB: 300 tr đồng
 - Hạn mức tín dụng Cty B trong quý IV là 500 tr đồng
 - Các TK có đủ số dư, các NH trên địa bàn đều tham gia thanh toán bù trừ

Giảng viên: Nguyễn Tiến Trung



PHẦN III

CHO VAY THEO HẠN MỨC TÍN DỤNG

Giảng viên: Nguyễn Tiến Trung

Kế toán cho vay theo hạn mức tín dụng

- ❖ **Khái niệm:** Cho vay theo hạn mức tín dụng là phương thức cho vay mà giữa ngân hàng và khách hàng xác định và thỏa thuận một hạn mức tín dụng duy trì trong thời hạn nhất định hoặc theo chu kỳ sản xuất kinh doanh
- ❖ **Đối tượng:** Chỉ áp dụng cho các khách hàng vay có nhu cầu vay vốn thường xuyên, có vòng quay vốn lưu động nhanh, có khả năng tài chính lành mạnh và uy tín với NH

Giảng viên: Nguyễn Tiến Trung

Kế toán cho vay theo hạn mức tín dụng

- ❖ **Đặc điểm:**
 - Nhu cầu vay thường là để tài trợ cho nguồn vốn lưu động thiếu hụt.
 - Không định kỳ hạn nợ cụ thể cho từng lần giải ngân nhưng kiểm soát chặt chẽ hạn mức tín dụng còn thực hiện.
 - KH trả nợ NH bằng hai cách: (i) thu ngay khi có khoản thu, hoặc (ii) thu định kỳ theo sự thỏa thuận giữa NH và KH.kk
- ❖ **Tài khoản sử dụng:**
 - TK Cho vay thông thường – Dư Nợ
 - TK TG t. toán (được phép thấu chi) – Dư Có hoặc Dư Nợ

Giảng viên: Nguyễn Tiến Trung

Kế toán cho vay theo hạn mức tín dụng

❖ Kế toán khi giải ngân:

❖ Lần đầu tiên vay, khách hàng phải làm đơn xin vay kèm kế hoạch vay (thường là đầu mỗi quý). Sau khi xét duyệt xong NH ký HĐTD với khách hàng và xác định hạn mức tín dụng.

❖ Sau đó, mỗi lần vay, khách hàng chỉ cần gửi đến ngân hàng các chứng từ thanh toán (séc, UNC...) kèm giấy nhận nợ, kế toán sẽ kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp và làm thủ tục giải ngân với điều kiện Tổng Dư Nợ luôn nhỏ hơn HMTD.

Nợ TK 2111: Nợ đủ tiêu chuẩn

Có TK TM, TG, Bù trừ...

Giang viên: Nguyễn Tiến Trung

Kế toán cho vay theo hạn mức tín dụng

❖ Tính và hạch toán lãi:

➤ **Tính lãi:** Theo phương pháp tích số, thường thu vào cuối tháng dương lịch:

$$\text{Lãi} = \frac{\sum_{j=1}^n D_j \times N_j}{\sum_{j=1}^n N_j} \times \text{lãi suất}$$

D_j: dư nợ thực tế thứ j

N_j: số ngày dư nợ thứ j

➤ **Thu lãi:**

Nợ TK TM, TG, Thanh toán

Có 702

Giang viên: Nguyễn Tiến Trung

Kế toán cho vay theo hạn mức tín dụng

❖ Kế toán thu nợ:

➤ Tiền vay được trả từ TK tiền gửi sau khi khách hàng nhận được tiền bán hàng, NH sẽ trích % để thu nợ

Nợ 4211 % tiền thu từ bán hàng

Có 2111 % tiền thu từ bán hàng

➤ Hoặc toàn bộ tiền thu bán hàng nộp trực tiếp vào bên Có của TK tiền vay, nếu TK tiền vay có số dư Có, NH sẽ trả lãi như số dư trên TK tiền gửi.

Nợ 1011, 4211, 5012 Toàn bộ tiền thu từ bán hàng

Có 2111 Toàn bộ tiền thu từ bán hàng

Giang viên: Nguyễn Tiến Trung

Kế toán cho vay theo hạn mức tín dụng

❖ Kế toán chuyển nợ quá hạn:

➤ Khi hết thời hạn của HMTD mà không được NH ký tiếp hoặc tiếp tục ký HMTD mới mà KH không trả được nợ hoặc không hạ thấp được Dư Nợ xuống dưới mức HMTD mới.

➤ Hạch toán tương tự như phần cho vay từng lần

Giang viên: Nguyễn Tiến Trung



PHẦN IV

CHO VAY THEO DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Giảng viên: Nguyễn Tiến Trung

Kế toán cho vay theo Dự án đầu tư

- ❖ **Khái niệm:** Ngân hàng cho vay theo dự án đầu tư nhằm cung ứng vốn cho khách hàng để thực hiện các dự án đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, dịch vụ và các dự án phục vụ đời sống
- ❖ **Đối tượng:** là các dự án đầu tư về thiết bị, máy móc, nhà xưởng, các công trình xây dựng cơ bản
- ❖ **Đặc điểm:**
 - Cho vay theo dự án đầu tư thuộc loại tín dụng trung, dài hạn
 - Đối với các dự án đầu tư vào thiết bị, máy móc thì ngân hàng tiến hành thu nợ theo định kỳ dựa trên số tiền trích khấu hao định kỳ của những tài sản này.
 - Đối với các dự án là các công trình phải qua quá trình xây dựng cơ bản thì đối tượng cho vay là các chi phí phát sinh trong thời gian xây dựng cơ bản để hoàn thành công trình, kể cả chi phí trả lãi vay đều được tính vào giá thành công trình (vốn hóa).

Giảng viên: Nguyễn Tiến Trung

Kế toán cho vay theo Dự án đầu tư

❖ Cho vay XDCB được chia thành hai giai đoạn:

- Giai đoạn cho vay để đầu tư vào chi phí xây dựng cơ bản (thông qua những lần giải ngân trong thời gian XDCB)
- Giai đoạn xác định lại số nhận nợ sau khi hoàn thành công trình:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng số tiền} \\ \text{nhận nợ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng số tiền của} \\ \text{các lần giải ngân} \end{array} + \begin{array}{l} \text{lãi cho vay} \\ \text{phát sinh} \end{array}$$

Sau đó, NH và KH cùng xác định kỳ hạn nợ cuối cùng và kế hoạch trả nợ định kỳ theo số tiền khấu hao trong kỳ của công trình và một số nguồn thu khác

Giảng viên: Nguyễn Tiến Trung

Kế toán cho vay theo Dự án đầu tư

❖ Kế toán cho vay:

- Căn cứ vào khế ước vay từng lần và chứng từ trong quá trình thi công:

Nợ TK cho vay trung hoặc dài hạn

Có TK TM, TG, thanh toán...

- Khi công trình hoàn thành, hết thời gian ân hạn, ngân hàng và khách hàng xác định lại tổng nợ phát sinh và lãi phát sinh để nhập gốc, từ đó xác định giá thành thực tế và ghi nhận:

Nợ TK cho vay trung hoặc dài hạn

Có TK thu lãi vay hay lãi phải thu (702, 3941)

Giảng viên: Nguyễn Tiến Trung

Kế toán cho vay theo Dự án đầu tư

❖ Kế toán thu nợ, thu lãi:

- Sau khi xác định lại nợ, thì NH định lại kỳ hạn nợ và kế hoạch trả nợ, kế hoạch trả nợ ko mang tính chất bình quân mà có năm thu nhiều, có năm thu ít tùy thuộc và nguồn trả nợ (khấu hao, lợi nhuận...)
- Lãi suất có thể là cố định hoặc thả nổi
- Phương pháp hạch toán tương tự cho vay từng lần
- Lưu ý: đến kỳ hạn trả nợ mà khách hàng không trả được nợ như kế hoạch sẽ bị chuyển toàn bộ nợ sang nợ quá hạn. Khi nào trả hết nợ theo kế hoạch thì chuyển về trạng thái bình thường.

Giảng viên: Nguyễn Tiến Trung



PHẦN V

CHO VAY ĐỒNG TÀI TRỢ

Giảng viên: Nguyễn Tiến Trung

Kế toán phương thức cho vay đồng tài trợ

- ❖ **Phạm vi áp dụng:** Cho vay dự án lớn, thời gian dài
- ❖ **Lý do:**
 - Giảm rủi ro
 - Đảm bảo tỉ lệ an toàn tín dụng
- ❖ **Nguyên tắc tổ chức:**
 - **Các NH thành viên:** Góp vốn
 - **NH đầu mỗi thực hiện:** Nhận vốn góp, làm đầu mỗi giải ngân, thu nợ, thu lãi...
 - **Tất cả các NH đều thực hiện:** theo dõi Dự Nợ mà mình cho vay, tính và hạch toán lãi dự thu, thực hiện phân loại nợ, trích lập DPRR theo quy định

Giảng viên: Nguyễn Tiến Trung

Kế toán phương thức cho vay đồng tài trợ

❖ Tài khoản sử dụng:

- TK 381, 382: góp vốn cho vay đồng tài trợ
- TK 481, 482: Nhận vốn cho vay đồng tài trợ

TK 381, 382		TK 481, 482	
Số vốn góp CV đồng tài trợ gửi lên NHDM	Chuyển vốn góp cho vay đồng tài trợ sang TKCV thích hợp	Số vốn góp cho vay đồng tài trợ nhận từ NHTV đã giải ngân cho KH	Số vốn góp CV đồng tài trợ nhận từ NHTV
DNợ: Số vốn góp CV ĐTT đang gửi tại NHDM			ĐCó: Số vốn góp CV ĐTT đang nhận của NHTV

Giảng viên: Nguyễn Tiến Trung

Quy trình kế toán cho vay đồng tài trợ

❖ Tại NH thành viên:

TK TM, TG

TK 381, 382

TK CV/KH

Gửi vốn góp (1)

Nhận thông báo
đã giải ngân (4)

■ Tại NH đầu mối:

TK TM, TG

TK 481, 482

TK TM, TG

Vốn NHTV góp

Nhận vốn góp (2)

(3)
Giải ngân

TK CV/KH

Vốn NHDM góp

Giảng viên: Nguyễn Tiến Trung

Quy trình kế toán cho vay đồng tài trợ

❖ Kế toán hạch toán và thu lãi:

➤ **Trong kỳ:** cả NH đầu mối và NHTV đều thực hiện tính và hạch toán theo dõi Lãi & phí phải thu như CV thông thường

➤ Đến kỳ thu lãi:

❑ NHDM thực hiện thu lãi trực tiếp từ KH và ghi nhận vào 702 (hoặc tài khoản 394) tại NH mình phân lãi mà họ được nhận, chuyển qua TTV phân lãi của NHTV góp vốn được hưởng.

❑ NHTV: nhận lãi từ NHDM qua TTV và ghi nhận vào 702 (hoặc tài khoản 394)

❖ Kế toán thu nợ: tương tự thu lãi

❖ **Kế toán phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro...** được thực hiện như CV thông thường ở mỗi NH.

Giảng viên: Nguyễn Tiến Trung



PHẦN VI

CHO VAY CHIẾT KHẤU

Giảng viên: Nguyễn Tiến Trung

Chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá

❖ Các khái niệm cơ bản:

➤ **Thương phiếu** là chứng từ thanh toán, giấy tờ có giá phát sinh trong quan hệ tín dụng thương mại (mua chịu, bán chịu) với nội dung cơ bản là người cầm nó được hưởng một trái quyền (quyền đòi nợ) một số tiền nhất định trong tương lai từ người ký phát.

➤ **Cho vay chiết khấu thương phiếu** là nghiệp vụ tín dụng ngắn hạn, trong đó khách hàng chuyển nhượng thương phiếu chưa đến hạn thanh toán cho Ngân hàng để nhận một số tiền bằng mệnh giá của thương phiếu trừ đi (-) số tiền chiết khấu và hoa hồng phí (nếu có).

Giảng viên: Nguyễn Tiến Trung

Chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá

❖ **Các loại chiết khấu:** Xét trên góc độ quyền lợi và trách nhiệm của các bên tham gia, có 2 loại

➤ **Chiết khấu miễn truy đòi:** Là loại chiết khấu trong đó TCTD mua hẳn thương phiếu theo giá trị hiện tại và khi đáo hạn, chỉ có quyền đòi người phát hành, không có quyền đòi khách hàng vay chiết khấu

➤ **Chiết khấu truy đòi:** là loại chiết khấu trong đó, TCTD mua lại thương phiếu theo giá trị hiện tại và có quyền đòi người phát hành khi đáo hạn. Tuy nhiên nếu người phát hành không có khả năng thanh toán thì TCTD có quyền truy đòi đến khách hàng vay chiết khấu.

Giảng viên: Nguyễn Tiến Trung

Chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá

❖ **Tài khoản sử dụng:**

➤ **TK 22: Chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá đối với các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước**

□ TK 221: Chiết khấu bằng VNĐ

□ TK 222: Chiết khấu bằng ngoại tệ

➤ **TK 717: Thu phí chiết khấu**

❖ **Tính toán chiết khấu:** $PV = FV * (1+i)^{-n}$

Trong đó:

➤ PV: số tiền cho vay chiết khấu (giá trị hiện tại)

➤ FV: Giá trị nhận được trong tương lai

➤ i: Lãi suất chiết khấu

➤ n: Thời hạn còn lại của thương phiếu (Kỳ)

=> **Lãi chiết khấu = DV = FV - PV**

Giảng viên: Nguyễn Tiến Trung

Hạch toán cho vay chiết khấu

❖ **Nhận chiết khấu:**

➤ **Cung ứng cho KH số tiền bằng PV:**

Nợ TK Cho vay chiết khấu (2211, 2221)/KH

Có TK thích hợp

➤ **Thu phí chiết khấu:**

Nợ TK thích hợp

Có TK 717

❖ **Định kỳ:** Dự thu lãi như cho vay thông thường

Số lãi dự thu mỗi kỳ = DV/n (kỳ)

❖ **Khi đáo hạn:**

➤ **Nếu khách hàng trả tiền**

Nợ TK thích hợp

: $FV = PV + DV$

Có TK Cho vay chiết khấu

: PV

Có TK Lãi & phí phải thu (3941)

: DV

➤ **Nếu khách hàng không trả được nợ => Chuyển Nợ quá hạn**

Giảng viên: Nguyễn Tiến Trung



PHẦN VII

CHO THUÊ TÀI CHÍNH

Giảng viên: Nguyễn Tiến Trung

Kế toán nghiệp vụ cho thuê tài chính

❖ **Khái niệm:** Cho thuê tài chính thực chất là tín dụng trung và dài hạn, trong đó theo đơn đặt hàng của khách hàng, ngân hàng sẽ mua tài sản về cho thuê và cuối hợp đồng khách hàng có thể mua lại tài sản theo giá thoả thuận

❖ **Nội dung của thuê TC có 1 số điểm cần lưu ý:**

- **Thời gian thuê:** Chiếm ít nhất = 60% thời gian để khấu hao tài sản
- **Kết thúc hợp đồng:** người thuê có thể trả lại tài sản hoặc được mua lại tài sản với giá thoả thuận (thông thường nhỏ hơn giá thị trường của tài sản tại thời điểm mua lại)
- **Định kỳ:** trả tiền thuê từng kỳ bao gồm cả gốc và lãi thuê

Giang viên: Nguyễn Tiến Trung

Kế toán nghiệp vụ cho thuê tài chính

❖ **Tính khấu hao:** Bên cho thuê không phải trích khấu hao TS

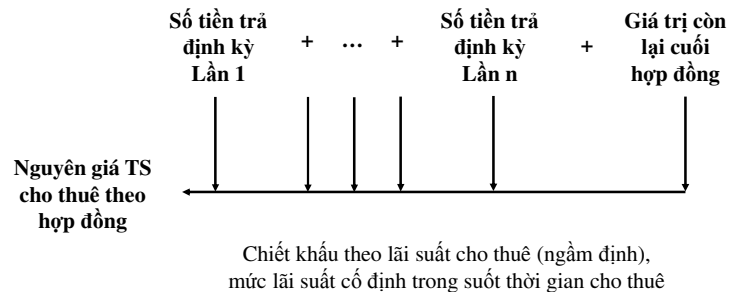
❖ **Tiền thuê trả từng kỳ:**

- Trả gốc đều đặn, lãi tính trên cơ sở số gốc còn lại đầu kỳ
- Trả cả gốc và lãi đều đặn theo niên kim cố định

❖ **Xác định lãi suất:** để làm căn cứ tính lãi cho thuê. Mức lãi suất có thể ghi công khai trong hợp đồng hoặc là mức lãi suất ngầm định được các bên tự tính toán dựa trên các yếu tố khác đã được thoả thuận như: tổng số tiền thuê phải trả và số tiền thuê phải trả từng kỳ. Tuy nhiên về nguyên tắc kế toán, mức lãi suất phải cố định trong suốt thời gian thuê, làm cơ sở để tính và ghi nhận nợ gốc và lãi phải trả từng kỳ.

Giang viên: Nguyễn Tiến Trung

Kế toán nghiệp vụ cho thuê tài chính



Giang viên: Nguyễn Tiến Trung

Tài khoản sử dụng

❖ **TK 23: Cho thuê tài chính**

➢ **231: Cho thuê tài chính bằng VND.**

➢ **232: Cho thuê tài chính bằng ngoại tệ.**
TK 231, 232

➢ Giá trị TS giao cho KH thuê (NG TS)	➢ Số tiền gốc cho thuê được thu hồi từng lần
	➢ Số tiền chuyển nhóm nợ thích hợp
DNợ: Gtrị TS thuê giao cho KH chưa trả nợ	

Giang viên: Nguyễn Tiến Trung

Tài khoản sử dụng

- ❖ **TK 385:** Đầu tư bằng VNĐ vào TS cho thuê tài chính
- ❖ **TK 386:** Đầu tư bằng ngoại tệ vào TS cho thuê tài chính

Số tiền chi để mua TS về cho thuê TC (NG TS)	Giá trị TS chuyển sang cho thuê TC (NG TS)
DNợ: Gtrị TS cho thuê TC chưa giao cho KH thuê	

- **TK 3943:** Lãi & phí phải thu về cho thuê tài chính
- **TK 705:** Thu lãi về cho thuê tài chính
- **TK 951:** TS cho thuê tài chính đang quản lý tại TCTD
- **TK 952:** TS cho thuê tài chính đang giao cho KH thuê

Giảng viên: Nguyễn Tiến Trung

Quy trình kế toán

- ❖ **Ký quỹ để thuê tài chính:**
Nợ TK 1011, 4211/ Khách hàng

Có TK Ký quỹ đảm bảo cho thuê tài chính (4277)/KH

➤ *Số tiền ký quỹ đảm bảo thuê tài chính sẽ được trả lại KH khi KH thực hiện hợp đồng thuê TC*

- ❖ **Khi NH mua TS theo đơn đặt hàng của KH về nhập kho**
Nợ TK Đầu tư vào các thiết bị cho thuê TC (385, 386)
Có TK thích hợp

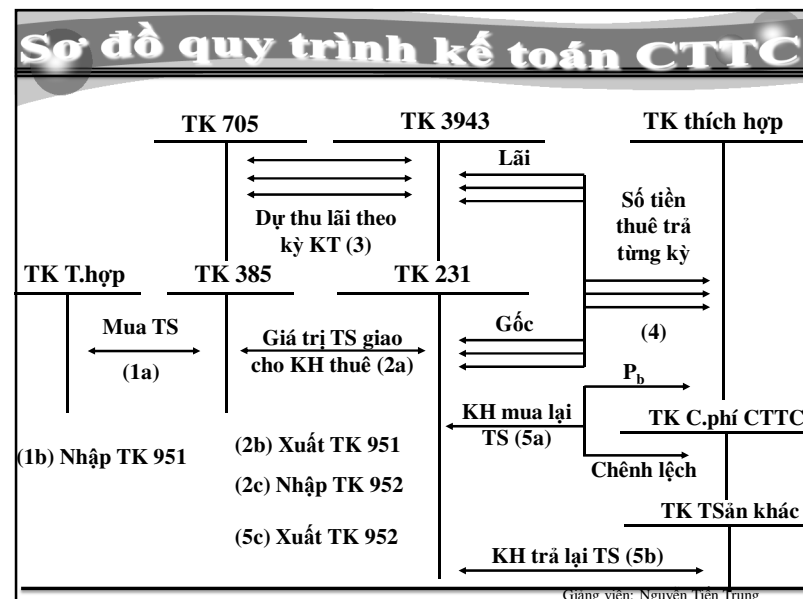
Đồng thời ghi nhập TK ngoại bảng:
Nhập 951 “TS dùng để cho thuê TC đang quản lý tại TCTD”

Giảng viên: Nguyễn Tiến Trung

Quy trình kế toán

- ❖ **Khi NH giao tài sản cho khách hàng thuê TC**
Nợ TK Cho thuê tài chính (231, 232/ khách hàng thuê)
Có TK Đầu tư vào các thiết bị cho thuê TC (385, 386)
Đồng thời hạch toán ngoại bảng:
Xuất 951 “TS dùng để cho thuê TC đang quản lý tại TCTD”
Nhập 952 “TS dùng để cho thuê TC đang giao cho KH thuê”
- ❖ **Định kỳ kế toán:** Tính lãi dự thu về cho thuê TC
- ❖ **Định kỳ thu tiền cho thuê:**
 - Nếu KH trả tiền thuê: tách Gốc và Lãi riêng để HT vào TK thích hợp
 - Nếu KH không trả tiền thuê: chuyển Nợ quá hạn
- ❖ **Kết thúc hợp đồng thuê TC**
 - Nếu khách hàng mua lại TS: thu tiền bán TS
 - Nếu trả lại TS: ghi nhận vào TS khác để chờ xử lý

Giảng viên: Nguyễn Tiến Trung





PHẦN VIII

NGHIỆP VỤ BẢO LÃNH

Giảng viên: Nguyễn Tiến Trung

Kế toán nghiệp vụ bảo lãnh

❖ **Khái niệm:** Bảo lãnh Ngân hàng là cam kết bằng văn bản của tổ chức tín dụng (bên bảo lãnh) với bên có quyền (bên nhận bảo lãnh) về việc thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho khách hàng (bên được bảo lãnh) khi khách hàng không thực hiện đúng nghĩa vụ đã cam kết với bên nhận bảo lãnh. Khách hàng phải nhận nợ và trả nợ cho tổ chức tín dụng số tiền đã được trả thay.

❖ **Các loại bảo lãnh**

- Bảo lãnh vay vốn
- Bảo lãnh dự thầu
- Bảo lãnh thanh toán
- Bảo lãnh thực hiện hợp đồng
- Cam kết thanh toán L/C trả chậm...

Giảng viên: Nguyễn Tiến Trung

Tài khoản sử dụng

❖ **TK 24: Trả thay khách hàng**

- 241: Trả thay khách hàng bằng VNĐ.
- 242: Trả thay khách hàng bằng ngoại tệ.

TK 241, 242

> Số tiền trả thay khách hàng	> Số tiền khách hàng trả nợ > Số tiền chuyển nhóm nợ thích hợp
DNợ: Số tiền trả thay KH chưa trả nợ	

Giảng viên: Nguyễn Tiến Trung

Tài khoản sử dụng

- ❖ TK Doanh thu chờ phân bổ – 488
- ❖ TK Thu phí bảo lãnh – 712
- ❖ TK ký quỹ bảo lãnh - 4274
- ❖ **Tài khoản 921: Cam kết bảo lãnh cho khách hàng**
 - TK 9211 - Bảo lãnh vay vốn
 - TK 9212 - Bảo lãnh thanh toán
 - TK 9213 - Bảo lãnh thực hiện hợp đồng
 - TK 9214 - Bảo lãnh dự thầu
 - TK 9215 - Cam kết trong nghiệp vụ L/C trả chậm
 - TK 9216 - Cam kết trong nghiệp vụ L/C trả ngay
 - TK 9219 - Cam kết bảo lãnh khác

Giảng viên: Nguyễn Tiến Trung

Quy trình kế toán nghiệp vụ bảo lãnh

- ❖ NH phải tiến hành thẩm định TD => xác định giá trị BL

$$\text{Giá trị bảo lãnh} = \text{Giá trị hợp đồng kinh tế} - \text{Mức ký quỹ}$$
 - ❖ Khi cam kết bảo lãnh cho KH:
 - KH ký quỹ bảo lãnh
 Nợ TK thích hợp/KH
 Có TK ký quỹ bảo lãnh (4274)/KH
 - Nhận TS cầm cố thẻ chấp của KH: Nhập TK 994
 - Ghi nhận bảo lãnh cho KH: Nhập TK 921: Tổng giá trị bảo lãnh
 - Thu phí bảo lãnh:
 - Nợ TK thích hợp
 - Có TK Doanh thu chờ phân bổ - 488
- => Số phí này sẽ được phân bổ dần vào Thu phí bảo lãnh - 712

Giang viên: Nguyễn Tiến Trung

Quy trình kế toán nghiệp vụ bảo lãnh

- ❖ Đến hạn thanh toán: Xuất TK 921
 - KH hoàn thành nghĩa vụ trả nợ: NH không phải trả thay, trả lại tiền ký quỹ cho KH, trả lại TS cầm cố thẻ chấp
 - KH không hoàn thành nghĩa vụ trả nợ: NH phải trả thay, trước tiên lấy tiền ký quỹ để bù đắp, KH còn bao nhiêu tiền thu nốt, phần còn lại NH trả thay và tiếp tục theo dõi như CV thông thường
- Nợ TK ký quỹ bảo lãnh (4274)/KH : Số tiền KQ
 Nợ TK thích hợp/KH : ST KH còn
 Nợ TK trả thay khách hàng (241X)/KH : ST trả thay
 Có TK thích hợp/bên nhận bảo lãnh : Giá trị HĐ

Giang viên: Nguyễn Tiến Trung

Kế toán nghiệp vụ đồng bảo lãnh

- ❖ **Khái niệm:** Là hình thức nhiều NH cùng tham gia bảo lãnh với một khách hàng
- ❖ **Giai đoạn ký kết HĐ bảo lãnh:** NHĐM thực hiện toàn bộ việc ghi nhận số tiền ký quỹ, TS cầm cố thẻ chấp, riêng số tiền nhận bảo lãnh và số tiền thu phí sẽ được phân chia theo tỷ lệ mỗi NH nhận bảo lãnh
- ❖ **Giai đoạn trả thay:** Có 2 cách thức chuyển vốn trả thay
 - NH đầu mối thực hiện ứng tiền trả thay trước, NHTV chuyển tiền lên NHĐM sau
 - NHTV chuyển tiền trước, NHĐM mới thực hiện trả thay cho khách hàng
- ❖ **Tài khoản sử dụng bổ sung:**
 - TK Các khoản phải thu khác - 359: Dư Nợ
 - TK Các khoản chờ thanh toán - 459: Dư Có

Giang viên: Nguyễn Tiến Trung

Quy trình kế toán Trường hợp NHĐM ứng trước

- ❖ Tại NH đầu mối:
 - Khi thực hiện trả thay:
 - Nợ TK ký quỹ bảo lãnh/KH: Số tiền KH đã ký quỹ
 - Nợ TK 241/242 : ST trả thay KH theo nghĩa vụ của NHĐM
 - Nợ TK 359/NHTV: ST ứng ra trả thay cho NH thành viên
 - Có TK Thích hợp : Tổng ST trả thay KH theo cam kết BL
 - Khi nhận được số tiền trả thay của các NH thành viên:
 - Nợ TK Thích hợp
 - Có TK 359/NHTV
- ❖ Tại NH thành viên:
 - Nợ TK Trả thay khách hàng: ST NH cam kết BL
 - Có TK thích hợp

Giang viên: Nguyễn Tiến Trung

**Quy trình kế toán
Trường hợp NHTV chuyển tiền trước**

- ❖ **Tại NH thành viên:**
 - **Khi thực hiện chuyển tiền cho NHĐM:**
Nợ TK 359/NHĐM : ST NHTV cam kết trả thay KH
Có TK thích hợp :
 - **Khi nhận được thông báo của số tiền trả thay của các NHTV:**
Nợ TK Trả thay khách hàng (241)
Có TK 359/NHĐM
- ❖ **Tại NH đầu mối:**
 - **Khi nhận số tiền trả thay của các NH thành viên:**
Nợ TK thích hợp
Có TK 459/NHTV
 - **Khi trả thay cho khách hàng:**
Nợ TK ký quỹ bảo lãnh/KH : Số tiền KH đã ký quỹ
Nợ TK Trả thay khách hàng: ST theo tỉ trọng NHĐM cam kết

BL Nợ TK 459/NHTV : ST theo tỉ trọng NHTV cam kết

BL Có TK thích hợp : Tổng số tiền trả thay KH

Giang viên: Nguyễn Tiến Trung

Cảm ơn các bạn đã lắng nghe!

HỌC ĐI ĐÔI VỚI HÀNH

Giang viên: Nguyễn Tiến Trung